

III/ CƯỚC TÁC NGHIỆP CONTAINER

1/ **Cước xếp dỡ container:**

2/ **Cước đóng/rút container:**

2.1. Tác nghiệp tại cầu tàu:

Bảng 11:

Đơn vị tính: VND/container

STT	Phương án làm hàng	Container 20'	Container 40'
1	Đóng gạo từ sà lan / ghe vào / ra container - Loại bao trên 30kg		
	a. Đối với container xuất tàu tại cảng Tân Cảng – Hiệp Phước sau khi đóng gạo:		
	i. Lấy container rỗng tại Tân Cảng-Hiệp Phước để đóng hàng, Cảng thu phí đóng gạo:	1.060.000	
	ii. Chuyển container rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước đóng hàng, Cảng thu:	1.400.000	
	<i>Trong đó</i>		
	- Phí chuyển container rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước	340.000	
	- Phí đóng gạo	1.060.000	
	b. Đối với container xuất tàu tại cảng Cát Lái sau khi đóng gạo:		
	i. Lấy container rỗng tại Tân Cảng-Hiệp Phước để đóng hàng, Cảng thu:	1.480.000	
	<i>Trong đó:</i>		
- Phí đóng gạo	1.060.000		
- Phí chuyển container hàng từ Tân Cảng-Hiệp Phước về Cát Lái	420.000		
ii. Chuyển container rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước đóng hàng, Cảng thu:	1.820.000		
<i>Trong đó:</i>			
- Phí chuyển container rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước	340.000		
- Phí đóng hàng	1.060.000		
- Phí chuyển container hàng từ Tân Cảng-Hiệp Phước về Cát Lái	420.000		
2	Đóng gạo từ sà lan / ghe vào / ra container - Loại bao từ 30kg/bao trở xuống		
	a. Đối với container xuất tàu tại cảng Tân Cảng – Hiệp Phước sau khi đóng gạo:		
	i. Lấy container rỗng tại Tân Cảng-Hiệp Phước để đóng hàng, Cảng thu phí đóng hàng:	1.115.000	

	<p>ii. Chuyển container rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước đóng hàng, Cảng thu:</p> <p><i>Trong đó</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí chuyển container rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước 340.000 - Phí đóng hàng 1.115.000 	1.455.000	
	<p>b. Đối với container xuất tàu tại cảng Cát Lái sau khi đóng gạo:</p> <p>i. Lấy container rỗng tại Tân Cảng-Hiệp Phước để đóng hàng, Cảng thu:</p> <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí đóng hàng 1.115.000 - Phí chuyển container hàng từ Tân Cảng-Hiệp Phước về Cát Lái 420.000 	1.535.000	
	<p>ii. Chuyển container rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước đóng hàng, Cảng thu:</p> <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí chuyển rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước 340.000 - Phí đóng hàng 1.115.000 - Phí chuyển container hàng từ Tân Cảng-Hiệp Phước về Cát Lái 420.000 	1.875.000	
3	Đóng/rút hàng bao từ container xuống sà lan / ghe		
	+ Hàng thông thường, không mùi, không độc hại	1.200.000	1.575.000
	+ Hàng bán, có mùi, độc hại, xương súc vật, IMDG	1.800.000	2.360.000
4	Đóng/rút xơ dừa từ sà lan/ghe vào (ra) cont	1.100.000	1.540.000
	<i>Ghi chú:</i>		
	- Phí chuyển rỗng từ Cát Lái/ICD liên kết về Tân Cảng-Hiệp Phước.		470.000
	- Phí chuyển container hàng từ Tân Cảng-Hiệp Phước về Cát Lái.		570.000
5	Xả hàng xá từ container xuống sà lan / ghe		
	+ Hàng thông thường, không mùi, không độc hại	850.000	
	+ Hàng bán, có mùi, độc hại, xương súc vật, IMDG	1.275.000	
6	Đóng gạo từ ghe/sàlan xé bao đổ xá vào container (trong giới hạn trọng lượng cho phép của container)	1.620.000	2.085.000

2.2. Tác nghiệp container tại bãi:

Bảng 12:

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô			Container lạnh	
		20'	40'	45'	20'	40'
1	a. Đóng thủ công hàng thông thường từ xe vào container	650.000	920.000	1.170.000	835.000	1.185.000
		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển container rỗng đến bãi đóng hàng - Đóng hàng từ xe của khách hàng vào container - Chuyển container hàng về hạ bãi chờ xuất 				
	b. Đóng thủ công hàng				1.450.000	2.105.000

	thủy/hải sản đông lạnh xếp trên pallet quấn nylon film đóng container	<ul style="list-style-type: none"> - Trái bãi container rỗng phục vụ đóng hàng - Xếp hàng thủy hải sản đóng thùng từ xe k/hàng vào pallet - Sử dụng công nhân hỗ trợ đóng gói bằng việc dùng thiết bị quấn nylon film cho hàng sau khi đã xếp vào pallet theo qui cách do chủ hàng chịu trách nhiệm hướng dẫn. - Đóng pallet đã được quấn nylon film vào container - Chuyển container hàng về bãi chờ xuất 				
2	Đóng ghép hàng vào cùng một container thực hiện tại bãi:					
	<i>Đóng lần 1</i>	Không thực hiện			835.000	1.185.000
	<i>Đóng từ lần 2 trở đi</i>	Không thực hiện			280.000	450.000
3	Đóng cá nư nguyên con vào container	<i>Tính = 200% đơn giá đóng hàng lạnh thông thường được qui định tại STT 1., 1b., 2.</i>				
4	Đóng/rút thủ công hàng nguy hiểm (IMDG) từ xe vào container hoặc ngược lại					
	<i>Nhóm IMDG 03, 04, 08, 09 và máy móc thiết bị có bình gas thuộc nhóm IMDG 02, trừ hạt nhựa.</i>	1.140.000	1.580.000	1.970.000	1.480.000	2.020.000
	<i>Nhóm 05, 06 và hoá chất thuộc nhóm IMDG 02</i>	2.275.000	3.155.000	3.940.000	2.960.000	4.040.000
5	Đóng/rút thủ công hàng máy móc thiết bị cũ, hàng không đồng nhất về kích thước từ xe vào container hoặc ngược lại.	1.140.000	1.580.000	1.970.000		
6	Đóng/rút thủ công hàng sắt vụn, phế liệu rời từ xe vào container hoặc ngược lại.	2.280.000	3.160.000	3.940.000		
7	Rút và đóng một phần khối lượng hàng trong container phục vụ kiểm hoá (có xác nhận của điều độ)					
	<i>Hơn 50%</i>	325.000	460.000	585.000	420.000	595.000
	<i>Từ 10% tới 50%</i>	165.000	230.000	290.000	210.000	295.000
	<i>Dưới 10%</i>	65.000	95.000	120.000	85.000	120.000
	<i>Rút mẫu với số lượng ít để kiểm hoá</i>	<i>Khách hàng tự thực hiện</i>				
8	Đóng/rút sang container (rút từ container này đóng sang container khác)	Tính theo công đoạn thực tế phát sinh				
		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển container hàng đến bãi rút hàng - Chuyển container rỗng trong nội bộ cảng đến khu vực sang container - Rút hàng từ container hàng đóng sang container rỗng - Chuyển container hàng và container rỗng về các bãi trong nội bộ cảng. 				

9	Rút thủ công hàng thông thường từ container xếp lên xe khách hàng	760.000	1.065.000	1.330.000	1.025.000	1.440.000
		- Chuyên container hàng đến bãi rút hàng - Rút hàng từ container giao lên xe của khách hàng - Chuyển container rỗng về bãi rỗng				
10	Rút ruột thủ công phục vụ dán tem hàng hoá nhập khẩu và giao thẳng:					
	Rút ruột container và giao hàng đã dán tem lên xe k/hàng	1.030.000	1.435.000	1.790.000		
	Giao nguyên container hàng đã dán tem lên xe k/hàng	1.215.000	1.705.000	2.120.000		
		- Nâng container từ bãi lên xe trung chuyển - Chuyển bãi nội bộ - Rút ruột thủ công phục vụ dán tem - Xếp hàng đã dán tem lên xe của khách hàng và chuyển rỗng về bãi hoặc đóng lại vào container và giao nguyên container lên xe cho khách hàng. * Ngoài các công đoạn kể trên, nếu làm thêm công đoạn nào Cảng thu bổ sung công đoạn đó theo quy định.				
11	Rút dưới 10% khối lượng hàng trong container xuất để đảm bảo trọng lượng xuất tàu. Cước đảo chuyển (nếu có) sẽ được thu bổ sung theo quy định tại Bảng 06 - Mục 2b	195.000	270.000	336.000	260.000	365.000

2.3. Các trường hợp phụ thu đóng/rút/kiểm hóa hàng:

- Đối với container lạnh chứa hàng khô thông thường và không cắm điện, phí đóng/rút container sẽ được tính như đối với container hàng khô.
- Đối với các kiện hàng đặc biệt (quá khổ, quá tải), phải sử dụng cầu bờ cố định của Cảng hoặc cầu nổi để đóng / rút: Cảng thoả thuận với khách hàng để tính cước nhưng không thấp hơn 300% đơn giá đóng/rút container cùng loại chứa hàng thông thường.
- Phụ thu phí quá hạn trả bãi container (áp dụng cho container khô và lạnh đóng ruột, rút ruột, giao nguyên kiểm hóa, kể cả phương án dán tem) được tính như sau:

+ Đơn giá:

Bảng 13:

Đơn vị tính: VNĐ/container/ngày

TT	Loại container	Đơn giá
1	20'	70.000
2	40'	110.000

+ Thời gian tính phí quá hạn trả bãi container: được tính từ ngày hết thời hạn cho phép lưu tại bãi đóng hàng/kiểm hóa/rút hàng cho đến khi container được giao hàng/đóng hàng xong. Thời gian cho phép lưu kể từ khi container có mặt tại khu vực rút ruột/kiểm hóa/đóng hàng được quy định như sau (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, tết):

Bảng 14:

TT	Lô hàng	Thời gian cho phép lưu tại bãi rút ruột/kiểm hóa/đóng hàng
	Lô từ 01-05 cont	01 ngày
	Lô từ 06-10 cont	02 ngày
	Lô từ 11-20 cont	03 ngày
	Lô trên 20 cont	04 ngày

Ghi chú: Trường hợp container đón thẳng từ tàu về bãi kiểm hóa/rút ruột, thời gian cho phép lưu tại khu vực rút ruột được cộng thêm 01 ngày so với bảng trên.

- d. Trường hợp đóng/rút hàng từ xe vào container hoặc ngược lại đối với tất cả các loại hàng có sử dụng xe nâng hàng (loại dưới 5 tấn), Cảng thu cước bổ sung như sau:

Bảng 15:

Đơn vị tính: VNĐ/container

Container khô			Container lạnh	
20'	40'	45'	20'	40'
55.000	85.000	110.000	85.000	120.000

- e. Trường hợp đóng/rút các loại hàng có kích thước vượt quá qui định của container tiêu chuẩn, phải sử dụng xe nâng hàng (loại từ 05 tấn đến 20 tấn): Cước đóng/rút do Cảng thỏa thuận với khách hàng nhưng không thấp hơn 300% so với đơn giá đóng/rút hàng thông thường.

2.4. Trường hợp rút hàng xá tại bãi: (bao gồm các công đoạn chuyển container hàng, rút hàng, trả rỗng, đóng bao tịnh cân, may bao và xếp bao lên xe của khách hàng) Cảng thu như sau:

- + Hàng thông thường, không mùi, không độc hại : 70.000 VNĐ/tấn.
- + Hàng dơ bẩn, có mùi, độc hại, xương súc vật : 75.000 VNĐ/tấn.
- + Trong trường hợp có giám định viên tham gia giám sát cân từng bao hàng, cảng thu phụ phí: 6.000 VNĐ/tấn.
- + Bao bì để phục vụ việc đóng bao: khách hàng cung cấp cho Cảng.

3/ Cước phục vụ container lạnh:

4/ Các loại cước khác: